

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Nội dung

	Trang
Thông tin về Công ty	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 38

01/01/2018

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000113 Điều chỉnh lần 1 ngày 24 tháng 5 năm 2005 ngày 23 tháng 1 năm 2006

Giấy phép thành lập và hoạt động quản lý quỹ 03/UBCK-GPHDQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005
 17/UBCK-GP ngày 23 tháng 7 năm 2008
 27/UBCK-GPĐC ngày 20 tháng 11 năm 2008
 67/UBCK-GPĐC ngày 15 tháng 4 năm 2010
 25/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2011
 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012
 08/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013
 29/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2013

Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép thành lập và hoạt động quản lý quỹ do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK để bổ sung thêm chức năng tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép đầu tư của công ty mẹ có giá trị đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

Hội đồng Thành viên Julian Christopher Vivian Pull Chủ tịch
 Nguyen Tuan Thên An Thành viên
 Wilfred John Blackburn Thành viên
 Jackie Chew Pei Pei Thành viên

Ban Giám đốc Nguyen Tuan Thên An Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
EASTSPRING
INVESTMENTS
Nguyễn Tuấn Thân An
Tổng Giám đốc

WT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited Branch**

10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi Chủ đầu tư
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-241



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1901-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B01a - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000 Phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		105.106.514	118.962.176
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	86.282.033	106.154.989
Tiền	111		11.293.970	8.489.561
Các khoản tương đương tiền	112		74.988.063	97.665.428
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	18.277.622	12.331.227
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		400.727	101.181
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		15.629.919	9.700.450
Phải thu khác	135		2.246.976	2.529.596
Tài sản ngắn hạn khác	150		546.859	475.960
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		546.859	475.960
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		3.714.640	4.073.607
Tài sản cố định	220		302.084	379.215
Tài sản cố định hữu hình	221	6	229.131	295.840
Nguyên giá	222		3.225.910	3.225.910
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.996.779)	(2.930.070)
Tài sản cố định vô hình	227	7	72.953	83.375
Nguyên giá	228		982.797	982.797
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(909.844)	(899.422)
Tài sản dài hạn khác	260		3.412.556	3.694.392
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	39.884	96.589
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9	3.372.672	3.597.803
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		108.821.154	123.035.783

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B01a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000 Phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		33.323.453	43.792.830
Nợ ngắn hạn	310		26.158.128	34.999.797
Phải trả người bán ngắn hạn	312		66.025	66.025
Thuế phải nộp Nhà nước	314	10	390.475	683.008
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	11	23.641.842	32.274.454
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	2.059.786	1.976.310
Nợ dài hạn	330		7.165.325	8.793.033
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	9	-	161.375
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		853.003	853.003
Dự phòng phải trả dài hạn	337	13	6.312.322	7.778.655
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		75.497.701	79.242.953
Vốn chủ sở hữu	410	15	75.497.701	79.242.953
Vốn góp	411	14	25.000.000	25.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		50.497.701	54.242.953
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		54.242.953	90.491.411
- Lỗ trong kỳ/năm	420b		(3.745.252)	(36.248.458)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		108.821.154	123.035.783

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B01a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
Ngoại tệ	005		5.712.947	13.479.121
Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác	030	16	2.815.033.510	1.840.782.548
▪ Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2.812.233.955	1.840.300.861
▪ Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		2.799.555	481.687
Danh mục đầu tư	040	17	43.404.547.935	41.155.312.103
▪ Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		43.352.670.036	41.102.270.400
▪ Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		51.877.899	53.041.703
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	6.879.671
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		117.082	-

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Minh Thủy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tuấn Thên An
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B02a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	18	30.759.671	18.202.442
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.624.426	2.070.356
Chi phí tài chính	22		445.893	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	35.619.700	37.097.567
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 10 + (21 - 22) - 25}	30		(3.681.496)	(16.824.769)
Kết quả từ các hoạt động khác	40		-	-
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.681.496)	(16.824.769)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	63.756	204.649
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(3.745.252)	(17.029.418)

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Tuấn Thiện An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
Ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ	01	24.830.202	16.563.430
Tiền chi trả cho cán bộ công nhân viên	03	(35.279.986)	(31.269.092)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.191.950)	(10.808.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(21.641.734)	(25.513.864)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Thu lãi tiền gửi	27	1.768.778	1.817.645
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	1.768.778	1.817.645
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(19.872.956)	(23.696.219)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	106.154.989	131.945.400
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 4)	70	86.282.033	108.249.181

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Luân Thên An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B09a - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư theo Giấy phép thành lập và hoạt động quản lý quỹ số 03/UBCK-GPHDQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 5 năm 2005 và sửa đổi ngày 23 tháng 7 năm 2008, ngày 20 tháng 11 năm 2008, ngày 15 tháng 4 năm 2010, ngày 9 tháng 12 năm 2011, ngày 23 tháng 3 năm 2012, ngày 26 tháng 3 năm 2013 và ngày 12 tháng 9 năm 2013 (sau đây gọi chung là “Giấy phép quản lý quỹ”).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép quản lý quỹ là 25 tỷ VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 23 nhân viên (31/12/2015: 25 nhân viên) trong đó có 1 nhân viên quản lý cấp cao. Trong kỳ, Công ty có 2 nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên nào vi phạm kỷ luật. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 12 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản 31/12/2015: 12 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam, cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, làm tròn đến nghìn đồng ("VND'000").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Chi phí nâng cấp 3 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 6 năm

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(f) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(i) Tiền thưởng nhân viên dài hạn

Tiền thưởng nhân viên dài hạn là khoản tiền mặt thưởng cho nhân viên mà Công ty chi trả trong vòng ba năm. Khoản tiền này được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong khoảng thời gian mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng ("kỳ được nhận thưởng"). Giá trị khoản thưởng được ghi nhận là chi phí và được điều chỉnh hàng năm nhằm phản ánh tăng/giảm giá trị phần thưởng bằng cách đối chiếu với lợi nhuận từ hoạt động của Eastspring Investments toàn Châu Á trong kỳ được nhận thưởng.

(j) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

(k) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(l) Các quỹ dự trữ

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty được phép trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý và phí quản trị được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư, và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của của nhà đầu tư này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý và các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty.

(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không được phản ánh trên các báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	31/12/2015
	VND'000	VND'000
Tiền gửi ngân hàng	11.293.970	8.489.561
Các khoản tương đương tiền	74.988.063	97.665.428
	86.282.033	106.154.989

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 gồm khoản ngoại tệ tương đương 5.713 triệu VND (31/12/2015: 13.479 triệu VND).

Các khoản tương đương tiền của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có lãi suất năm dao động từ 2,10% đến 4,32% (31/12/2015: từ 3,70% đến 4,39%).

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu từ hoạt động nghiệp vụ bao gồm:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND'000	VND'000
		Phân loại lại
Phải thu công ty mẹ	15.520.387	9.590.569
Phải thu các công ty liên quan	109.532	109.881
	15.629.919	9.700.450

Khoản phải thu từ công ty mẹ và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND'000	VND'000
		Phân loại lại
Ký quỹ thuê	1.501.196	1.471.196
Lãi dự thu	216.979	374.905
Phải thu từ người lao động	487.570	521.979
Phải thu khác	41.231	161.516
	<hr/>	
	2.246.976	2.529.596
	<hr/>	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản phải thu nào bị quá hạn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.342.074	1.883.836	3.225.910
	<hr/>		
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.138.300	1.791.770	2.930.070
Khấu hao trong kỳ	24.178	42.531	66.709
	<hr/>		
Số dư cuối kỳ	1.162.478	1.834.301	2.996.779
	<hr/>		
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	203.774	92.066	295.840
Số dư cuối kỳ	179.596	49.535	229.131
	<hr/>		

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

2015	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.197.006	2.841.366	4.038.372
Tăng trong năm	145.068	-	145.068
Xóa sổ	-	(957.530)	(957.530)
Số dư cuối năm	1.342.074	1.883.836	3.225.910
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.197.006	2.520.946	3.717.952
Khấu hao trong năm	90.526	406.079	496.605
Điều chỉnh (*)	(149.232)	(220.265)	(369.497)
Xóa sổ	-	(914.990)	(914.990)
Số dư cuối năm	1.138.300	1.791.770	2.930.070
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	320.420	320.420
Số dư cuối năm	203.774	92.066	295.840

(*) Phần điều chỉnh lại liên quan đến số khấu hao thừa đã được ghi nhận trong những năm trước.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 2.741 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 2.741 triệu VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND'000
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ/năm	982.797	892.906
Tăng trong kỳ/năm	-	89.891
Số dư cuối kỳ	982.797	982.797
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ/năm	899.422	822.962
Khấu hao trong kỳ /năm	10.422	76.460
Số dư cuối kỳ	909.844	899.422
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ/năm	83.375	69.944
Số dư cuối kỳ/năm	72.953	83.375

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 893 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 893 triệu VND).

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND'000	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	96.589	145.854
Tăng trong kỳ/năm	-	83.016
Phân bổ trong kỳ/năm	(56.705)	(132.281)
Số dư cuối kỳ/năm	39.884	96.589

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí hoạt động phải trả	3.202.071	3.427.202
Dự phòng trợ cấp thôi việc	170.601	170.601
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.372.672	3.597.803
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(161.375)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	3.372.672	3.436.428

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000
Lỗi tính thuế	65.038.976	13.007.795	61.430.741	12.286.148

Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND'000
2019	Chưa quyết toán	31.948.700
2020	Chưa quyết toán	29.482.041
2021	Chưa quyết toán	3.608.235
		65.038.976

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

10. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND'000	Số phải nộp trong kỳ VND'000	Số đã nộp Trong kỳ VND'000	30/6/2016 VND'000
Thuế thu nhập cá nhân	205.451	9.874.930	(9.907.463)	172.918
Thuế nhà thầu	477.557	301.000	(561.000)	217.557
	683.008	10.175.930	(10.468.463)	390.475

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
Phí tư vấn	749.555	749.555
Các khoản tiền thưởng	8.785.130	15.765.552
Tiền thưởng nhân viên dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	4.705.913	5.398.736
Chi phí hoạt động phải trả cho các bên liên quan	8.732.664	9.093.724
Các khoản khác	668.580	1.266.887
	23.641.842	32.274.454

12. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
Phải trả cho công ty mẹ – Phi thương mại	190.149	108.347
Phải trả các công ty liên quan khác – Phi thương mại	1.083.630	1.523.888
	1.273.779	1.632.235

Khoản phải trả cho công ty mẹ và các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/6/2016	31/12/2015
	VND'000	VND'000
Tiền thưởng nhân viên dài hạn (i)	5.643.417	6.642.012
Thưởng khác	668.905	1.136.643
	6.312.322	7.778.655

(i) Biến động của khoản mục tiền thưởng nhân viên dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016	Năm kết thúc ngày 31/12/2015
	VND'000	VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	6.642.012	4.784.264
Dự phòng trích lập trong kỳ/năm	3.707.318	7.256.484
Khoản đến hạn trả được phân loại lại thành chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 11)	(4.705.913)	(5.398.736)
	5.643.417	6.642.012

14. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty là 25.000.000.000 VND đã được góp đủ bởi công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Công ty mẹ cấp cao nhất, Prudential plc, được thành lập tại Anh Quốc.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

15. Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày				Số dư cuối kỳ	
	1/1/2015	31/12/2015	Tăng 30/6/2015 VND'000	Giảm 30/6/2015 VND'000	Tăng 30/6/2016 VND'000	Giảm 30/6/2016 VND'000	30/6/2015	30/6/2016
Vốn góp	25.000.000	25.000.000	-	-	-	-	25.000.000	25.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	90.491.411	54.242.953	-	(17.029.418)	-	(3.745.252)	73.461.993	50.497.701
	115.491.411	79.242.953	-	(17.029.418)	-	(3.745.252)	98.461.993	75.497.701

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

16. Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác

(a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
Quỹ Chủ sở hữu	1.454.154.504	549.707.420
Tiền gửi ngân hàng	5.906.416	7.191.491
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn (*)	1.448.248.088	542.515.929
Quỹ Toàn cầu	51.422.114	39.229.335
Tiền gửi ngân hàng	36.364.436	20.050.547
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn (*)	15.057.678	19.178.788
Quỹ Nhân thọ	1.125.669.003	1.101.063.577
Tiền gửi ngân hàng	778.221.248	41.006.608
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn (*)	347.447.755	1.060.056.969
Quỹ Liên kết Đầu tư	83.519.124	63.945.255
Tiền gửi ngân hàng	22.449.062	21.540.505
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn (*)	61.070.062	42.404.750
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investment Việt Nam	20.273.232	8.629.473
Tiền gửi ngân hàng	20.273.232	562.718
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn (*)	-	8.066.755
Quỹ Hưu trí	77.195.978	77.725.801
Tiền gửi ngân hàng	23.551	1.213.288
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn (*)	77.172.427	76.512.513
	2.812.233.955	1.840.300.861

(*) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

(b) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

Chi tiết tiền gửi giữ hộ của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài như sau:

	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
International Opportunities Fund – Vietnam Equity	2.799.555	481.687
Tiền gửi ngân hàng	2.799.555	481.687

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

17. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

(a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước bao gồm:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Số lượng	Giá thị trường VND'000	Số lượng	Giá thị trường VND'000
Quỹ Chủ sở hữu				
Chứng khoán nợ niêm yết	29.696.210	3.360.441.667	30.551.210	3.525.232.457
Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn		-		140.620.417
Quỹ Toàn cầu				
Chứng khoán nợ niêm yết	12.158.000	1.342.739.224	9.348.479	1.057.782.147
Quỹ Nhân thọ				
Chứng khoán vốn niêm yết	9.374.344	311.253.653	11.817.577	363.959.671
Chứng khoán nợ niêm yết	328.063.387	36.117.160.026	299.124.387	33.383.851.762
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	631	639.152.174	5.000.631	1.130.641.485
Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn		777.593.250		777.593.250
Quỹ Liên kết Đầu tư				
Chứng khoán vốn niêm yết	11.551.484	378.207.406	10.346.980	310.430.442
Chứng khoán nợ niêm yết	1.951.000	224.380.877	1.890.000	214.959.401
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investment Việt Nam				
Chứng khoán vốn niêm yết	2.255.096	57.370.195	2.486.235	58.329.627
Chứng khoán nợ niêm yết	127.000	14.406.275	127.000	14.863.237
Quỹ Hưu trí				
Chứng khoán nợ niêm yết	1.200.000	129.965.289	1.200.000	124.006.504
		43.352.670.036		41.102.270.400

(b) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài bao gồm:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Số lượng	Giá thị trường VND'000	Số lượng	Giá thị trường VND'000
International Opportunities Fund – Vietnam Equity				
Chứng khoán vốn niêm yết	1.371.309	51.877.899	1.422.259	53.041.703

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

18. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	28.558.204	16.183.194
Doanh thu hoạt động quản trị danh mục đầu tư	2.201.467	2.019.248
	<hr/>	<hr/>
	30.759.671	18.202.442

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty quản lý sáu quỹ đầu tư chứng khoán với tổng giá trị tài sản ròng trị giá 46.219 tỷ VND (31/12/2015: 43.004 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Toàn cầu, Quỹ Nhân thọ và Quỹ Liên kết Đầu tư cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo một hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam tương đương 27.909 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 15.609 triệu VND).

Trong năm 2008, Công ty đã ký một hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Eastspring Investments (Singapore) Limited (trước đây là Prudential Asset Management (Singapore) Limited) để cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho quỹ International Opportunities Fund – Vietnam Equity (“IOF”), một quỹ phụ của Société d’Investissement à Capital Variable được thành lập theo luật của Grand-Duchy Luxembourg. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho IOF tương đương 28 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 36 triệu VND).

Công ty cũng thực hiện quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 621 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 538 triệu VND).

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phí quản trị nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam tương đương 2.201 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 2.019 triệu VND).

Không có khoản phí thưởng hoạt động nào được nhận cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 vì không đáp ứng các điều kiện.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.610.852	1.796.317
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.574	274.039
	<hr/>	<hr/>
	1.624.426	2.070.356
	<hr/>	<hr/>

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	26.140.408	25.857.739
Chi phí tư vấn và dịch vụ khác	5.996.427	6.557.458
Chi phí khác	3.482.865	4.682.370
	<hr/>	<hr/>
	35.619.700	37.097.567
	<hr/>	<hr/>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	63.756	204.649
Chi phí thuế thu nhập	63.756	204.649

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND'000	VND'000
Lỗi kế toán trước thuế	(3.681.496)	(16.824.769)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(736.299)	(3.701.449)
Chi phí không được khấu trừ thuế	78.408	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(657.891)	(3.701.449)
	721.647	3.906.098
	63.756	204.649

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho công ty là 20% (2015: 22%). Việc tính thuế thu nhập phải chịu sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

22. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
Trong vòng một năm	5.683.603	5.266.483
Trong vòng hai đến năm năm	-	3.277.402
	<hr/> 5.683.603	<hr/> 8.543.885

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND'000	30/6/2015 VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý	28.397.161	15.608.538
		Phí dịch vụ điều hành quỹ	2.201.467	2.019.248
		Phí dịch vụ do công ty mẹ cung cấp	(81.802)	(78.184)
Prudential Corporation Asia	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ cho Công ty	(360.117)	(796.063)
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan	Phí quản lý danh mục Quỹ IOF	27.994	36.329
		Chi phí trả hộ cho Công ty	(2.290.817)	(1.620.023)
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ dưới sự quản lý	Phí quản lý	621.180	538.327

24. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, và các khoản phải thu.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	86.282.033	106.154.989
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	17.876.895	12.230.046
		<hr/>	<hr/>
		104.158.928	118.385.035

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tất cả tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm phí quản lý phải thu. Rủi ro tín dụng liên quan đến phí quản lý phải thu được đánh giá là không đáng kể vì đây là các khoản phải thu từ các bên liên quan và các quỹ dưới sự quản lý của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 tháng VND'000	1 - 3 tháng VND'000	3 tháng - 1 năm VND'000	1 - 5 năm VND'000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Phải trả người bán	66.025	66.025	66.025	-	-	-
Chi phí phải trả	10.150.799	10.150.799	-	10.150.799	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.059.786	2.059.786	2.059.786	-	-	-
	12.276.610	12.276.610	2.125.811	10.150.799	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Phải trả người bán	66.025	66.025	66.025	-	-	-
Chi phí phải trả	11.110.166	11.110.166	-	11.110.166	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.976.310	1.976.310	1.976.310	-	-	-
	13.152.501	13.152.501	2.042.335	11.110.166	-	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch doanh thu và mua bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND và USD.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các trạng thái tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Có gốc tiền tệ là USD	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND'000	VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.712.947	13.479.121
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	9.232	9.569
	5.722.179	13.488.690

Sau đây là tỷ giá hối đoái ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2016	31/12/2015
USD/VND	22.270	22.420

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lỗ thuần sau thuế của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Ảnh hưởng đối với lỗ thuần sau thuế	
	30/6/2016	31/12/2015
	VND'000	VND'000
USD (tăng thêm 1%)	45.777	315.635

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lỗ thuần sau thuế của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi rủi ro lãi suất do Công ty nắm giữ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá ba tháng.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016 VND'000	31/12/2015 VND'000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i> Các khoản tương đương tiền	74.988.063	97.665.428
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i> Tiền gửi ngân hàng	11.293.970	8.489.561

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 90 triệu VND lỗ thuần sau thuế của Công ty (31/12/2015: 66 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chi số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Tài sản tài chính được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.282.033	86.282.033	106.154.989	106.154.989
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	17.876.895	(*)	12.230.046	(*)
Nợ phải trả tài được xác định theo giá trị phân bổ:				
Phải trả người bán	66.025	(*)	66.025	(*)
Chi phí phải trả	10.150.799	(*)	11.110.166	(*)
Phải trả ngắn hạn khác	2.059.786	(*)	1.976.310	(*)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

25. Các yếu tố mang tính thời vụ và chu kỳ

(a) Thương cho nhân viên

Công ty đang tạm thời trích trước chi phí thưởng cho nhân viên dựa trên kế hoạch tài chính của Tập đoàn cho năm 2016 trong báo cáo tài chính giữa niên độ này. Tuy nhiên, khoản chi phí thưởng này có thể sẽ thay đổi phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B09a - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tạm tính bằng cách đối chiếu với lỗ trước thuế trong kỳ.

26. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có bất kỳ thay đổi nào trong các ước tính kế toán trọng yếu khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 so với kỳ lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc kỳ kế toán trước đó.

27. Các khoản mục bất thường

Không có bất kỳ khoản mục bất thường nào ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

28. Các số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán	31/12/2015 VND'000 (phân loại lại)	31/12/2015 VND'000 (theo báo cáo trước kia)
Phải thu khách hàng	-	374.905
Phải thu từ công ty liên quan	-	9.700.450
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	9.700.450	-
Phải thu khác	2.529.596	191.195
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.963.496
Phải trả các bên liên quan	-	1.632.235
Phải trả ngắn hạn khác	1.976.310	344.075

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Lê Minh Thùy
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Tuan Thên An
Tổng Giám đốc